TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2017
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Tùng.

Ông Lê Văn Quân.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Trân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2017/QĐST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1985; cư trú tại ấp B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Liêu Đ, sinh năm 1986; cư trú tại ấp S, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 8 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà Nguyễn Thị N và ông Liêu Đ sống với nhau như vợ chồng vào năm 2007 nhưng đến ngày 26/11/2007 ông, bà mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng và được Ủy ban nhân dân thị trấn L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 169 ngày 26/11/2007.

Sau khi cưới ông, bà về chung sống tại ấp S, xã L, huyện L (nay là ấp S, thị trấn L, huyện T), tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu chung sống, ông bà hạnh phúc và hòa thuận nhưng chưa được bao lâu thì ông, bà xảy ra mâu thuẫn do ông Liêu Đ thường hay mắng chửi bà N vô cớ. Vì thương con nên bà N cố gắng chịu đựng cho qua vì bà N muốn duy trì cuộc hôn nhân này. Bà N đã khuyên ông Đ rất nhiều lần nhưng ông Đ không nghe, vẫn tính nào tật nấy, không chịu thay đổi. Đến năm 2011, ông, bà sống ly thân và bà N về sống với cha mẹ ruột của bà tại ấp B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cho đến nay. Bà N thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân nên quyết định làm đơn xin ly hôn với ông Liêu Đ.

Trong thời gian chung sống ông, bà có một con chung là Liêu Ngọc T sinh ngày 25/7/2009. Hiện nay cháu T đang sống chung với bà N.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn với ông Liêu Đ.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Liêu Ngọc T, sinh ngày 25/7/2009 và bà không yêu cầu ông Liêu Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 157/TB-TLVA ngày 07 tháng 8 năm 2017, tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông Liêu Đ, nhưng ông Đ không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với ông Đ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng ý kiến, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung giao cháu Liêu Ngọc T, sinh ngày 25/7/2009 cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng trong vụ án ly hôn. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Đối với bị đơn ông Liêu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Liêu Đ.

[3] Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1985 và ông Liêu Đ, sinh năm 1986 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 169, quyển số 01 ngày 26/11/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Liêu Đ là hợp pháp.

[5] Xét lý do xin ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bà N, ông Đ hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cãi vã nhau và bà N về nhà cha mẹ ruột tại ấp B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng sống cho đến nay và ông, bà đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà N và ông Đ trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[6] Về con chung: Tại phiên toà sơ thẩm, bà N yêu cầu được nuôi con chung là cháu Liêu Ngọc T, sinh ngày 25/7/2009 đến tròn 18 tuổi. Xét yêu cầu được nuôi con chung của bà N, tại văn bản trình bày ý kiến ngày 25/8/2017, cháu Liêu Ngọc T thể hiện nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ là bà N và hiện nay cháu T đang sống chung với bà N, do bà N trực tiếp chăm sóc nên về mặt tình cảm cháu T gắn bó với bà N nhiều hơn và cũng để cho cháu ổn định cuộc sống nên Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận giao cháu Liêu Ngọc T cho bà N nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi là phù hợp.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[8] Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, ông Liêu Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông Liêu Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà N.

[9] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[10] Xét đề nghị của kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Liêu Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Liêu Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Liêu Ngọc T, sinh ngày 25/7/2009 cho bà Nguyễn Thị N nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi. Ông Liêu Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông Liêu Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà N.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/ 0006421 ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng và như vậy bà Nguyễn Thị N đã nộp xong án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THA dân sự huyện Trần Đề;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn